

# CHỮ HÁN ĐA ÂM THƯỜNG DÙNG TRONG TIẾNG HÁN HIỆN ĐẠI VÀ ỨNG DỤNG VÀO VIỆC DẠY - HỌC TIẾNG HÁN TẠI VIỆT NAM

NGUYỄN NGỌC THÚY ANH\*

\*Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội, ✉ thuyanh050497@gmail.com

Ngày nhận bài: 11/01/2018; ngày sửa chữa: 04/02/2018; ngày duyệt đăng: 28/02/2018

## TÓM TẮT

Chữ Hán đa âm là một trong những khó khăn mà sinh viên Việt Nam thường gặp phải trong quá trình học tiếng Hán. Nhằm giúp cho người học nắm chắc âm đọc của các chữ đa âm, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu và tìm ra một số nguyên nhân dẫn đến sự hình thành của chữ Hán đa âm trong tiếng Hán hiện đại; thống kê được 118 chữ Hán đa âm thường dùng trong tiếng Hán hiện đại và chia chúng thành 7 loại; khảo sát việc sử dụng chữ Hán đa âm thường dùng của 87 sinh viên năm thứ 3 chuyên ngành tiếng Trung Quốc. Từ đó, chúng tôi chỉ ra nguyên nhân của các lỗi thường gặp, nêu năm cách chính để phân biệt các âm đọc của chữ Hán đa âm và đề xuất các kiến nghị với giáo viên và sinh viên nhằm cải thiện việc dạy – học chữ Hán đa âm tại Việt Nam.

**Từ khóa:** âm đọc, chữ Hán đa âm, thanh mẫu, thanh điệu, vận mẫu

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chữ Hán thuộc hệ chữ biểu ý, chứ không phải biểu âm, chúng được cấu tạo nên từ các nét bút và các bộ. Để sử dụng được chúng, người học phải nắm một số lượng rất lớn các ký hiệu chữ viết, vì vậy có thể nói, chữ Hán là trở ngại khá lớn đối với người Việt khi học tiếng Hán. Đặc biệt, có những chữ Hán không chỉ mang một âm đọc một ý nghĩa mà còn mang nhiều âm đọc, khiến việc học và ghi nhớ càng khó khăn hơn. Chữ Hán có hai âm đọc trở lên được gọi là chữ Hán đa âm. Chữ Hán đa âm được hình thành bởi nhiều nguyên nhân khác nhau:

ảnh hưởng từ sự phát triển của ngôn ngữ, tác động bởi việc giản thể chữ Hán, ảnh hưởng giữa văn nói và văn viết, sự xuất hiện của các từ ngoại lai...

Chúng tôi nhận thấy trong quá trình học, phần lớn sinh viên rất hay nhầm lẫn các âm đọc của chữ Hán đa âm, hay có lúc đã biết các âm đọc của chữ Hán đó nhưng ghép vào một từ mới lại không biết đọc thế nào cho đúng. Do đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu nhằm giúp cho người học nắm chắc âm đọc của các chữ Hán đa âm, từ đó tránh mắc phải các sai lầm đáng tiếc.

Bài viết tổng kết các chữ Hán đa âm thường dùng trong tiếng Hán hiện đại, thông qua khảo sát nêu ra thực trạng của việc nắm kiến thức và tình hình sử dụng chữ Hán đa âm của sinh viên năm thứ 3 khoa Ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội, đặc biệt là chỉ ra nguyên nhân của những lỗi sai âm đọc đối với các chữ Hán đa âm mà sinh viên thường mắc phải, trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp giúp người học nắm chắc kiến thức cần thiết để có thể nhanh chóng phân biệt các chữ Hán đa âm.

## 2. KHẢO SÁT VỀ CHỮ HÁN ĐA ÂM THƯỜNG DÙNG

Từ cuốn “Từ điển 8000 từ tiếng Hán – Đại cương từ vựng của kỳ thi năng lực tiếng Hán (HSK)” 《HSK 中国汉语水平考试词汇大纲·汉语8000词词典》 và một số ngữ liệu khác, chúng tôi thống kê được tổng cộng 118 chữ Hán đa âm thường dùng trong tiếng Hán hiện đại và chia thành 7 loại:

(1) Thanh mẫu khác nhau, vận mẫu và thanh điệu giống nhau

系(jì; xì) 弄(lòng; nòng)

(2) Vận mẫu khác nhau, thanh mẫu và thanh điệu giống nhau

剥(bāo; bō) 薄(báo; bó) 大(dà; dài) 都(dōu; dū) 还(hái; huán) 落(là; luò)  
露(lòu; lù) 陆(liù; lù) 埋(mái; mán) 模(mó; mú) 削(xiāo; xuē)

(3) Thanh điệu khác nhau, thanh mẫu và vận mẫu giống nhau

挨(āi; ái)	背(bēi; bèi)	奔(bēn; bèn)	别(bié; biē)
冲(chōng; chòng)		处(chǔ; chù)	担(dān; dàn)
当(dāng; dàng)	倒(dǎo; dào)	钉(dīng; dìng)	干(gān; gàn) 发(fā; fà)
分(fēn; fèn)	缝(féng; fèng)	更(gēng; gèng)	好(hǎo; hào) 横(héng; hèng)
哄(hōng; hǒng; hòng)		华(huá; huà)	划(huá; huà) 几(jī; jǐ)
济(jǐ; jì)	假(jiǎ; jià)	结(jiē; jié)	禁(jīn; jìn) 尽(jǐn; jìn)
间(jiān; jiàn)		将(jiāng; jiàng)	教(jiāo; jiào)
卷(juǎn; juàn)	看(kān; kàn)	空(kōng; kòng)	量(liáng; liàng)
累(lěi; lèi)	凉(liáng; liàng)		笼(lóng; lǒng) 闷(mēn; mèn)
宁(níng; nìng)	哪(nǎ; na)	难(nán; nàn)	漂(piāo; piǎo; piào)
切(qiē; qiè)	曲(qū; qǔ)	散(sǎn; sàn)	少(shǎo; shào) 数(shǔ; shù)
挑(tiāo; tiǎo)	吐(tǔ; tù)	为(wéi; wèi)	兴(xīng; xìng) 鲜(xiān; xiǎn)
相(xiāng; xiàng)		要(yāo; yào)	应(yīng; yìng) 与(yǔ; yù)
载(zǎi; zài)	炸(zhà; zhà)	正(zhēng; zhèng)	挣(zhēng; zhèng)
中(zhōng; zhòng)		种(zhǒng; zhòng)	只(zhī; zhǐ)
转(zhuǎn; zhuàn)		钻(zuān; zuàn)	



(4) Thanh mẫu và vận mẫu khác nhau, thanh điệu giống nhau

给 (gěi; jǐ)      行 (háng; xíng)      率 (lǜ; shuài)      乐 (lè; yuè)      会 (huì; kuài)  
省 (shěng; xǐng)      似 (shì; sì)

(5) Thanh mẫu và thanh điệu khác nhau, vận mẫu giống nhau

扒 (bā; pá)      藏 (cáng; zàng)      盛 (chéng; shèng)      传 (chuán; zhuàn)  
便 (biàn; pián)      刹 (chà; shā)      朝 (cháo; zhāo)      重 (chóng; zhòng)  
长 (cháng; zhǎng)      弹 (dàn; tán)      调 (diào; tiáo)      降 (jiàng; xiáng)

(6) Vận mẫu và thanh điệu khác nhau, thanh mẫu giống nhau

称 (chèn; chēng)      地 (de; dì)      角 (jiǎo; jué)      觉 (jiào; jué)  
了 (le; liǎo)      没 (méi; mò)      血 (xiě; xuè)

(7) Loại khác

参 (cān; shēn; cēn)      差 (chā; chà; chāi; cī)      的 (de; dí; dì)      得 (de; dé; děi)  
恶 (ě; è; wù)      和 (hé; hè; hú; huó; huò)      咳 (hāi; ké)      抹 (mā; mǒ; mò)  
强 (jiàng; qiáng; qiǎng)      圈 (juān; juàn; quān)      塞 (sāi; sài; sè)  
咽 (yān; yàn; yè)      着 (zhāo; zháo; zhe; zhuó)      折 (zhē; zhé; shé)

Bảng 1: Thống kê các loại chữ Hán đa âm (v: có, x: không)

	Thanh mẫu khác nhau	Vận mẫu khác nhau	Thanh điệu khác nhau	Số lượng	Tỷ lệ phần trăm
Loại 1	v	x	x	2	1.69%
Loại 2	x	v	x	11	9.32%
Loại 3	x	x	v	65	55.08%
Loại 4	v	v	x	7	5.93%
Loại 5	v	x	v	12	10.17%
Loại 6	x	v	v	7	5.93%
Loại 7	loại khác			14	11.86%
Tổng cộng				118	100%

Từ bảng trên, chúng ta rút ra được một số kết quả như sau:

Chữ Hán đa âm chỉ khác nhau thanh điệu chiếm số lượng rất lớn (gần 55%). Trong đó, bốn thanh điệu chính (kể cả thanh nhẹ) đều có sự biến đổi. Đặc biệt, sự biến đổi giữa thanh 1 và thanh 4 là nhiều nhất (27/65 chữ Hán), sự biến đổi giữa thanh 3 và thanh 4 cũng tương đối cao (16/65 chữ Hán). Chữ Hán đa âm chỉ khác nhau thanh mẫu lại chiếm số lượng nhỏ nhất (2 chữ Hán).

Đặc biệt, trong 14 chữ ở loại khác, chỉ có 1 chữ Hán đa âm mà cả thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu của hai âm đọc đều khác nhau. Trong 118 chữ Hán đa âm được thống kê, có 103 chữ Hán hai âm đọc, 13 chữ Hán ba âm đọc, 1 chữ Hán bốn âm đọc và 1 chữ Hán năm âm đọc.

### 3. KHẢO SÁT VỀ VIỆC SỬ DỤNG CHỮ HÁN ĐA ÂM THƯỜNG DÙNG CỦA SINH VIÊN

#### 3.1. Kết quả khảo sát

Chúng tôi chọn ra 25 chữ Hán đa âm thường dùng để lập phiếu câu hỏi khảo sát, sau đó tiến hành khảo sát trên 87 sinh viên năm thứ 3 Khoa Ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc - Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội và kết quả thu được như sau:

#### **Bài 1: Chọn đáp án đúng (có thể chọn nhiều đáp án)**

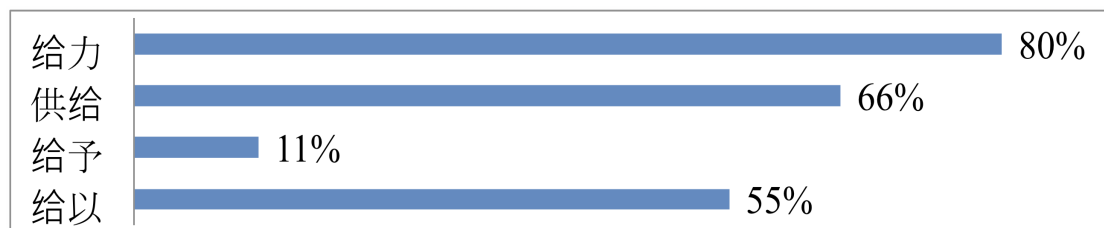
Câu 1. Chữ “差” trong những từ nào dưới đây có âm đọc là “chā”



Biểu đồ 1: Thống kê kết quả câu 1 bài 1

Có 8/87 sinh viên chọn đúng cả 2 đáp án “差别” và “时差”. Tỷ lệ người chọn một trong hai đáp án này cũng tương đối cao (54% và 71%), nhưng có đến 56% nhầm âm đọc của “差不多” dù từ này khá cơ bản.

Câu 2. Chữ “给” trong những từ nào dưới đây có âm đọc là “gěi”:



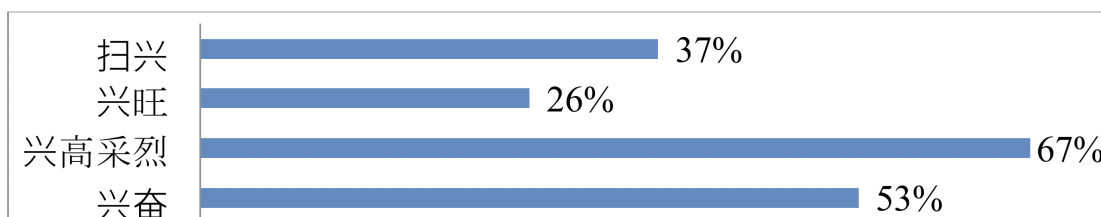
Biểu đồ 2: Thống kê kết quả câu 2 bài 1

Có 6/87 sinh viên chọn đúng cả 2 đáp án “给以” và “给力”. Tuy nhiên, đáng chú ý là có đến 66% sinh viên chọn đáp án “供给”, rất có thể là do sinh viên chưa hiểu ý nghĩa của từ, chưa biết âm đọc, hoặc cho rằng đây là kết cấu động bổ.

Câu 3. Chữ “兴” trong những từ nào dưới đây có âm đọc là “xìng”:

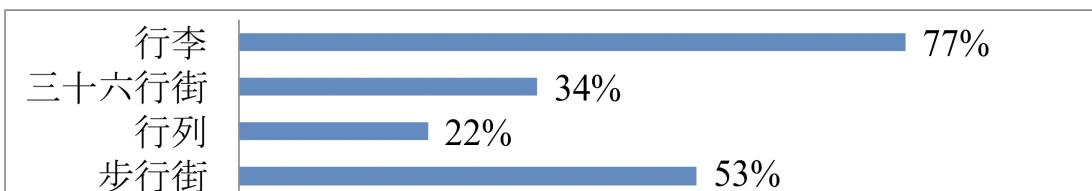
Có 9/87 sinh viên chọn đúng cả 2 đáp án “扫兴” và “兴高采烈”. “兴奋” gần nghĩa với “兴高采烈”, âm đọc chỉ khác thanh điệu nên hơn 50% sinh viên cho rằng “兴” trong “兴奋” cũng đọc là “xìng”. Bên cạnh đó, có rất ít người chọn đúng âm đọc của “扫兴” (37%) dù nghĩa chữ “兴” trong “扫兴” và “兴高采烈” là giống nhau, có lẽ một số sinh viên do vốn từ vựng chưa nhiều nên không biết nghĩa của từ này.





Biểu đồ 3: Thống kê kết quả câu 3 bài 1

Câu 4. Chữ “行” trong những từ nào dưới đây có âm đọc là “xíng”:



Biểu đồ 4: Thống kê kết quả câu 4 bài 1

Có 18/87 sinh viên chọn đúng cả hai đáp án “行李” và “步行街”. Trong đó có 77% chọn đúng “行李” và 53% chọn đúng “步行街”. Như vậy, có gần ½ số sinh viên được khảo sát không biết về âm đọc của từ này.

Câu 5. Chữ “率” trong những từ nào dưới đây có âm đọc là “shuài”:



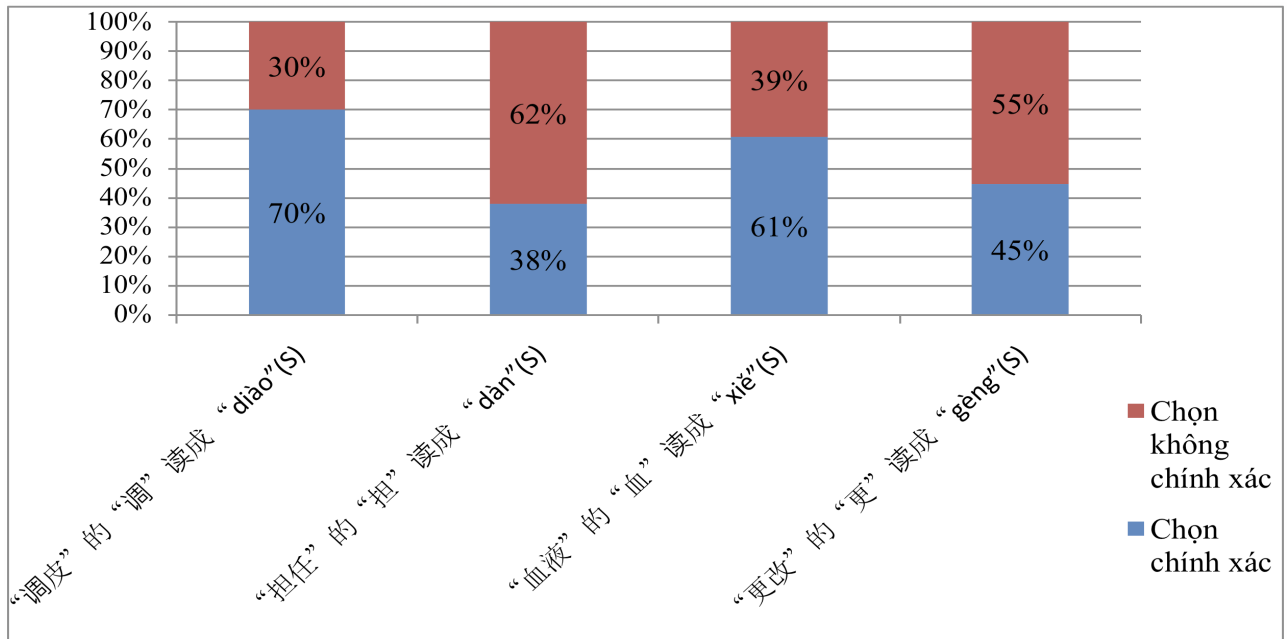
Biểu đồ 5: Thống kê kết quả câu 5 bài 1

Có 33/87 sinh viên chọn đúng cả hai đáp án “率领” và “统率”. Tỷ lệ sinh viên chọn một trong hai đáp án này cũng cao hơn hẳn 3 đáp án còn lại.

Câu 6 và 7 là các câu hỏi về số lượng âm đọc của chữ Hán đa âm “的” và “着”, đòi hỏi sinh viên phải tổng hợp lại được những từ đơn lẻ đã học, rồi mới có thể chỉ ra chính xác số lượng âm đọc. Ở câu 6, nhiều sinh viên không biết hết hoặc nhất thời không thống kê đủ nên chỉ có 45% sinh viên chọn đúng chữ “的” có ba âm đọc. Ở câu 7, chỉ có 9% sinh viên chọn đúng chữ “着” có bốn âm đọc, có đến 61% cho rằng chữ “着” có ba âm đọc, vì ba âm đọc “zhe, zháo, zhuó” được sử dụng nhiều hơn âm “zhāo” trong từ “着数”, đa phần sinh viên ít khi dùng đến âm đọc này.

## Bài 2: Phán đoán đúng sai

Chỉ có 16/87 (18,4%) sinh viên được khảo sát làm đúng hoàn toàn 4 câu của bài phán đoán đúng sai này. Tỷ lệ sinh viên phán đoán không chính xác âm đọc của “更改”, “担任” là 55% và 62%. “更” và “担” đều là chữ Hán có hai âm đọc chỉ khác nhau giữa thanh 1 và thanh 4 nên khiến cho nhiều sinh viên phán đoán nhầm. (Xem biểu đồ 6)



Biểu đồ 6: Thống kê kết quả bài 2

**Bài 3: Chọn đáp án đúng**

Bảng 2: Thống kê kết quả bài 3

Đề bài	Đáp án đúng	Tỷ lệ chọn đúng	Ghi chú
你数好以后，就把数目告诉他。	D. shǔ shù	82%	
现在我请了一位退休教师教我儿子四年级的文化知识，我主要教他课外知识。	B. jiào jiāo	44%	27% chọn C. jiào, jiào 29% chọn D. jiāo, jiào
这些文物在地下埋了两千年了。光埋怨孩子有什么用，我们大人也该找找原因。	A. mái mán	64%	
这床单像雪似的那么白。他似乎知道这个字的意思，但又讲不出来。	C. shì sì	60%	
看着孩子们幸福的玩耍，他不禁想起了自己的童年。公共场所禁止大声喧哗。	B. jīn jìn	29%	23% chọn A. jìn, jǐn 33% chọn C. jìn, jìn 15% chọn D. jīn, jǐn

Khi đặt hai âm đọc khác nhau của chữ Hán đa âm vào cùng một câu hỏi khảo sát, chúng ta thấy tỷ lệ sinh viên chọn đúng âm đọc của “数, 埋, 似” tương đối cao (trên 60%). Tuy nhiên, “教” và “禁” lại chỉ có 44% và 29% sinh viên chọn đúng. Hai chữ này có hai âm đọc gần giống nhau, chỉ khác nhau giữa thanh 1 và thanh 4, mặt khác, “禁” có thể do không dùng nên sinh viên rất dễ nhầm lẫn khi phân biệt hai âm đọc. Không những tỷ lệ chọn đúng thấp, mà tỷ lệ chọn những đáp án còn lại cũng không chênh lệch quá lớn



(27% chọn C. jiào, jiào và 29% chọn D. jiāo, jiào), có thể thấy tuy là từ đơn giản nhưng phần lớn sinh viên vẫn chưa phân biệt được các âm đọc của từ này. Điều đáng chú ý là 39% sinh viên vẫn nhầm “禁” có âm đọc là “jìn” do thói quen sử dụng không đúng.

#### Bài 4: Chú thích âm đọc cho chữ Hán được gạch chân

Bảng 3: Thống kê kết quả bài 4

Chữ Hán đa âm	Âm đọc đúng	Nhầm âm đọc khác	Âm đọc sai (không có âm đọc này)	Ghi chú
中国语言文化系	xì (61%)	jì (0%)	xī, xǐ (39%)	25% đọc nhầm là “xī”
有难同当	nàn (46%)	nán (45%)	nān (9%)	
剥削	bō (51%)	bāo (0%)	lù, lǜ, lüè, bò, pò (23%)	26% không biết cách đọc
剥削	xuē (47%)	xiāo (15%)	xué, xuè, xiào, xiē (13%)	28% không biết cách đọc
朝鲜	xiǎn (46%)	xiān (34%)	xiàn, xián (20%)	
角色	jué (59%)	jiǎo (24%)	juē, juè, juě, què, jiāo (17%)	
相貌	xiàng (57%)	xiāng (43%)		
传记	zhuàn (36%)	chuán (28%)	zhuān, zhuán, chuàn, zhuǎn (36%)	
投降	xiáng (29%)	jiàng (37%)	xiāng, xiàng, jiāng, qiàng, fēng (34%)	

Kết quả chung của cả bài khảo sát: không có sinh viên nào đúng hết bài khảo sát, chỉ có duy nhất một sinh viên làm đúng 20/24 câu. Gần 63% sinh viên làm sai hơn nửa bài (từ 12 câu trở lên). Đây là con số rất đáng suy nghĩ bởi đối tượng khảo sát đều là sinh viên năm thứ 3 chuyên ngành tiếng Trung Quốc, đã học được hai năm rưỡi và có một lượng kiến thức, hiểu biết nhất định về tiếng Hán và chữ Hán. Hơn nữa, ngay cả những từ cơ bản học từ năm thứ nhất nhưng sinh viên vẫn không nắm được âm đọc.

### 3.2. Nguyên nhân của những lỗi sai âm đọc thường gặp

Kết quả khảo sát cho thấy, vấn đề đa âm của chữ Hán đã gây ra khó khăn và trở ngại lớn cho người học tiếng Hán. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng đọc sai, nói sai của người học có hai loại: nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan.

Nguyên nhân khách quan có thể kể đến là: Thứ nhất, chữ Hán không phải là chữ ghi âm, không biểu đạt được chính xác âm đọc. Hơn nữa, chữ Hán đa âm đa phần có âm đọc gần giống nhau (hơn 55% chữ Hán đa âm chỉ khác nhau về thanh điệu, còn thanh mẫu và vận mẫu thì giống hệt nhau). Do vậy, người học tiếng Hán bị nhầm những âm đọc này với nhau nếu không chú ý. Ví dụ như: “兴奋” (xīngfèn) đọc sai thành (xìngfèn). Thứ hai, các âm đọc của chữ Hán đa âm có tần suất sử dụng không giống nhau, có những âm đọc thường xuyên sử dụng, lại có những âm đọc hiếm khi sử dụng. Bởi thế, người học thường có xu hướng dùng những âm đọc có tần suất sử dụng cao để thay cho âm đọc có tần suất sử dụng thấp. Chẳng hạn: “供绘” (gōngjì) đọc nhầm là (gōnggèi).



Nguyên nhân chủ quan gồm: Thứ nhất, trong quá trình học tiếng Hán, có những lúc sinh viên biết đến chữ Hán đa âm mang thanh nhẹ trong một tổ hợp từ trước khi được học về các âm đọc đúng. Điều này gây cản trở cho không ít sinh viên trong việc nhớ âm đọc. Chẳng hạn: sinh viên được học các từ “没关系” (méi guānxi), “头发” (tóufa)... trước khi học từ “系” (xì), “发廊” (fàláng)... Thứ hai, vốn chữ Hán của sinh viên còn hạn chế, có lúc nhận mặt chữ sai (chữ “剥” trong “剥削” nhận nhầm sang chữ “录, 绿” nên đọc sai là “lù, lǜ”), hay nhớ lẫn lộn các âm đọc (隆 có âm đọc là “xiáng” và “jiàng” nhưng lại nhầm là “xiàng”)... Thứ ba, nguyên nhân chủ quan dẫn đến các lỗi sai thường gặp không chỉ xuất phát từ sinh viên mà còn ảnh hưởng bởi giáo trình và việc dạy của giáo viên. Giáo trình trong hai năm thực hành tiếng của trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội không có một bài nào viết riêng về chữ Hán đa âm. Thêm vào đó, trong quá trình dạy, giáo viên cũng chưa có ý thức chú ý giảng dạy và phân biệt chữ Hán đa âm cho sinh viên. Có lúc giáo viên còn đọc sai khiến sinh viên cũng nhầm theo.

#### 4. CÁCH PHÂN BIỆT CHỮ HÁN ĐA ÂM THƯỜNG DÙNG

##### 4.1. Dựa vào từ loại mà chữ Hán đa âm xuất hiện

Trong một số trường hợp, chữ Hán đa âm xuất hiện ở các từ có từ loại khác nhau, do vậy chúng ta có thể dựa vào từ loại của các từ đó làm căn cứ để phân biệt âm đọc của chữ<sup>2</sup>:

Bảng 4: Dựa vào từ loại của từ mà chữ Hán đa âm xuất hiện

Chữ Hán	Âm đọc	Từ loại	Nghĩa	Ví dụ
都	dōu	Phó từ	đều, đã, thậm chí	都
	dū	Danh từ		都市, 首都
还	hái	Phó từ	vẫn	还有, 还是
	huán	Động từ	trả, hoàn lại	还 (~钱), 还债
地	de	Trợ từ		地 (助词)
	dì	Danh từ	đất	土地, 地方
只	zhī	Lượng từ		(一只猫)
	zhǐ	Phó từ	chỉ, chỉ có	只要, 只是

##### 4.2. Dựa vào ý nghĩa

Phần lớn các âm đọc khác nhau thường mang ý nghĩa không giống nhau, căn cứ vào ý nghĩa, chúng ta sẽ phân biệt được các âm đọc của chữ Hán đa âm như<sup>3</sup>:

Bảng 5: Dựa vào ý nghĩa chữ Hán đa âm

Chữ Hán	Âm đọc	Nghĩa	Ví dụ
恶	ě	buồn nôn	恶心
	è	ác độc	恶毒
	wù	ghét	可恶



降	jiàng	hạ xuống, giảm	降低, 降临
	xiáng	đầu hàng, thuận phục	降服, 投降
假	jiǎ	giả	假装, 假设
	jià	thời gian nghỉ	放假, 假期
强	jiàng	bướng bỉnh, cố chấp	倔强
	qiáng	mạnh mẽ	强大, 坚强
	qiǎng	miễn cưỡng	强迫, 勉强

### 4.3. Dựa vào kết hợp từ

Có một số chữ Hán đa âm mà trong một kết hợp từ nào đó lại mang âm đọc khác, với những trường hợp này thì chúng ta chỉ cần nhớ cách đọc của từ đặc biệt:

Bảng 6: Dựa vào cách kết hợp từ để phân biệt các âm đọc

Chữ Hán	Âm đọc	Cách kết hợp từ
答	dā	đọc là “ <b>dā</b> ” trong từ 答应
	dá	còn lại đọc là “dà”
大	dài	đọc là « <b>dài</b> » trong từ 大夫
	dà	còn lại đọc là “dà”
觉	jiào	đọc là “ <b>jiào</b> ” trong từ 睡觉
	jué	còn lại đọc là “jué”
会	kuài	đọc là “ <b>kuài</b> ” trong từ 会计 còn lại đọc là “huì”

### 4.4. Dựa vào trường hợp sử dụng

Các chữ Hán đa âm đồng nghĩa không thể phân biệt các âm đọc bằng ý nghĩa vì nghĩa của chúng tương tự nhau, nhưng vận dụng vào từng trường hợp lại không giống nhau<sup>4</sup>. Số lượng của loại này không nhiều nên cần học thuộc theo âm đọc của từ. Chẳng hạn:

Bảng 7: Dựa vào trường hợp sử dụng để phân biệt các âm đọc của chữ Hán đa âm đồng nghĩa

Chữ Hán	Âm đọc	Trường hợp sử dụng	Ví dụ
剥	bāo	dùng khi là từ đơn	剥 (~皮, ~糖纸)
	bō	dùng trong từ ghép	剥削, 剥夺
薄	báo	dùng khi là từ đơn	薄 (~纸)
	bó	dùng trong từ ghép	薄弱

削	xiāo	dùng khi là từ đơn và trong 2 từ ghép	削 (~皮), 削面, 切削
	xuē	dùng trong từ ghép	削减, 削弱

#### 4.5. Dựa vào âm Hán Việt

Người Việt Nam có lợi thế rất lớn khi học tiếng Trung Quốc, lợi thế đó là hệ thống âm Hán Việt phong phú. Khi tích lũy lượng âm Hán Việt và vốn từ tiếng Trung nhất định, trong nhiều trường hợp, chúng ta có thể dựa vào âm Hán Việt để suy ra cách đọc tiếng Trung và ngược lại. Ngoài ra, âm Hán Việt còn có tác dụng khác là phân biệt các âm đọc của chữ Hán đa âm, cụ thể hơn, thanh điệu của phần lớn âm Hán Việt có thể đối chiếu sang phiên âm của chữ Hán theo bảng 8:

Bảng 8: Bảng đối chiếu thanh điệu trong âm Hán Việt và thanh điệu trong âm đọc của chữ Hán<sup>5</sup>

Âm Hán Việt	Âm đọc của chữ Hán	Ví dụ
Thanh ngang (không dấu)	Thanh 1 Thanh 2 (*)	quân - jūn (军) nan - nán (难)
Dấu huyền	Thanh 2	trùng - chóng (重)
Dấu hỏi Dấu ngã	Thanh 3	đảo - dǎo (倒) cường- qiǎng (强)
Dấu sắc Dấu nặng	Thanh 4	khứ - qù (去) phân - fèn (分)
<p><b>Chú ý 1:</b> (*) Âm Hán Việt không có dấu và bắt đầu bằng “m-, n-, ng-, nh-, l-, d-” thì âm đọc chữ Hán sẽ mang thanh 2 VD: nguyên - yuán (原), nhân - rén (人), lai - lái (来)</p> <p><b>Chú ý 2:</b> Âm Hán Việt kết thúc bằng “-p, -t, -c, -ch” không tuân theo các qui tắc trên VD: cát - jí (吉), pháp - fǎ (法)</p> <p><b>Chú ý 3:</b> 1 số ngoại lệ: 将军 âm Hán Việt là “tướng quân” nhưng phiên âm không phải là “jiàngjūn”, mà là “jiāngjūn” 安静 âm Hán Việt là “yên tĩnh” nhưng âm đọc là “ānjìng”</p>		

Dựa vào âm Hán Việt, chúng ta sẽ phân biệt được một số chữ Hán đa âm như:

传	chuán	truyền
	zhuàn	truyện
重	chóng	trùng
	zhòng	trọng
长	cháng	trường, tràng
	zhǎng	trưởng
处	chǔ	xử
	chù	xứ



Trong năm cách đã nêu trên, dựa vào âm Hán Việt là cách phân biệt âm đọc hiệu quả nhất đối với người Việt Nam khi học tiếng Hán, vì theo kết quả khảo sát ở phần 2, chúng ta có đến 71.18% chữ Hán đa âm (loại 3, 6, 7) mà các âm đọc có sự khác nhau về thanh điệu. Do đó, người học nên tích lũy vốn âm Hán Việt nhất định để có thể phát huy tối đa tác dụng của cách phân biệt này.

## 5. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỀ VIỆC HỌC VÀ DẠY CHỮ HÁN ĐA ÂM

### 5.1. Đối với việc học của sinh viên

Việc học chữ Hán đa âm cần kết hợp giữa hoạt động học trên lớp và học ở nhà. Trên lớp, sinh viên cần ghi chép đầy đủ khi giảng viên đề cập đến các âm đọc khác của chữ Hán mà mình đã biết, về nhà tra lại thật chính xác âm đọc đó, tìm thêm các ví dụ liên quan, hệ thống lại các ví dụ đó rồi tìm ra cách phân biệt cho bản thân dễ nhớ nhất.

Lập sổ tay từ vựng, tổng hợp lại những chữ Hán đa âm mà mình đã biết để tiện cho việc tra cứu sau này, thường xuyên mở ra xem và vận dụng vào cụm từ, đặt thành câu. Khi bản thân đọc sai những từ chứa chữ Hán đa âm mà mình đã biết, người học cần đánh dấu lại, chú thích rõ cách đọc đúng và lý do đọc như vậy.

Việc học chữ Hán đa âm là cả quá trình tích lũy lâu dài, không nên cùng lúc học nhiều chữ Hán đa âm vì rất dễ nhầm lẫn, chán nản và nhanh quên. Bên cạnh đó, người học nên kết hợp giữa củng cố kiến thức đã học và tìm tòi kiến thức mới bằng cách đặt câu chứa các âm đọc của chữ Hán đa âm, đọc lại nhiều lần những từ chứa chữ Hán đa âm để nhớ âm đọc, mở rộng vốn từ vựng thông qua sách báo, phim ảnh ...

### 5.2. Đối với việc dạy của giáo viên

Trước hết, giáo viên cần nắm chắc các cách đọc khác nhau của chữ Hán đa âm, hạn chế nhầm lẫn hoặc dạy sai cho người học. Không chỉ thế, giáo viên cũng phải phát âm chuẩn, tránh phát âm quá nhẹ, không rõ bật hơi hoặc không rõ thanh 4 khiến sinh viên ghi chép nhầm.

Khi gặp chữ Hán đa âm trong bài giảng, giảng viên không những chỉ nêu cách đọc mới, mà còn nên hướng dẫn sinh viên cách phân biệt, hoặc gợi mở để

sinh viên về tìm hiểu. Thêm vào đó, giảng viên cần ghi rõ cách đọc mới trên bảng để sinh viên tiện ghi chép, tránh trường hợp sinh viên nghe nhầm và viết sai. Khi sinh viên đọc sai âm đọc thì giáo viên cần chỉnh lại cho đúng và chia sẻ cho sinh viên những bí quyết dễ nhớ mà bản thân giảng viên tự rút ra.

Trong thời gian học thực hành tiếng, ngay từ lúc bắt đầu học, giảng viên cần đặc biệt chú ý chỉnh phát âm cho sinh viên, giúp sinh viên phân biệt rõ thanh 1 và thanh 4, bởi một khi đã thành thói quen sẽ rất khó sửa, dẫn đến việc sinh viên không chỉ phát âm sai mà còn nghe sai, nói sai. Ngoài ra, việc thiết kế các bài tập củng cố và mở rộng về chữ Hán đa âm cho sinh viên cũng vô cùng cần thiết.

## 6. KẾT LUẬN

Chữ Hán đa âm là một trong những khó khăn cho sinh viên Việt Nam khi học tiếng Hán. Nhằm giải quyết khó khăn đó, chúng tôi đã căn cứ vào cuốn “Từ điển 8000 từ tiếng Hán – Đại cương từ vựng của kỳ thi năng lực tiếng Hán (HSK)” và một số ngữ liệu khác để thống kê ra tổng cộng 118 chữ Hán đa âm thường dùng trong tiếng Hán hiện đại và chia chúng thành 7 loại dựa trên sự khác nhau về thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu của các âm đọc. Ngoài ra, chúng tôi tiến hành khảo sát trên 87 sinh viên năm thứ ba Khoa Ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc - Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội và thu được kết quả: không có sinh viên nào đúng hết bài khảo sát, chỉ có duy nhất 1 sinh viên làm đúng 20/24 câu. Gần 63% sinh viên làm sai hơn nửa bài (từ 12 câu trở lên). Nguyên nhân của những lỗi sai này là: âm đọc gần giống nhau, tần suất sử dụng của các âm đọc khác nhau, cách học chưa hợp lý, vốn từ vựng ít, nhận mặt chữ sai, nhớ lẫn lộn các âm đọc, giáo viên chưa có ý thức chú ý phân biệt chữ Hán đa âm cho sinh viên... Từ đó, chúng tôi đưa ra năm cách chính để phân biệt các âm đọc của chữ Hán đa âm: dựa vào từ loại mà chữ Hán đa âm xuất hiện, dựa vào ý nghĩa, dựa vào kết hợp từ, dựa vào trường hợp sử dụng và dựa vào âm Hán Việt.

Chú trọng vào việc dạy và học chữ Hán đa âm là vô cùng cần thiết. Cả giảng viên và sinh viên đều cần có ý thức về vấn đề chữ Hán đa âm. Giảng viên cần đan xen việc giảng về chữ Hán đa âm trong

những giờ thực hành tiếng, ngoài ra cũng cần giải thích và chỉ ra cho sinh viên cách phân biệt dễ nhớ nhất. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên cần tích cực chủ động hơn trong học tập, phải thường xuyên ôn lại những chữ Hán đa âm đã học và mở rộng vốn từ cho bản thân, cùng với đó là tự tìm ra cho mình cách học chữ Hán đa âm hiệu quả nhất./.

#### Ghi chú:

1. Cách phân loại chúng tôi tham khảo (张景, 2011, tr.2).
2. Tham khảo (张景, 2011, tr.12).
3. Tham khảo (张景, 2011, tr.12).
4. Tham khảo (王俊霞, 刘云汉, 2004, tr.31).
5. Tham khảo Bài giảng môn Ngôn ngữ học tiếng Trung 1 của Tiến sĩ Nguyễn Đình Hiền, trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội.

#### Tài liệu tham khảo:

1. Trương Văn Giới & Lê Khắc Kiều Lục (2011), *Từ điển Hán - Việt*, NXB Khoa học xã hội, TP Hồ Chí Minh.
2. 江蓝生等 (2012), 《现代汉语词典》, 商务印书馆, 第6版.

3. 林廉 (1991), 一些多音字的音应简化, 辞书研究, 第5期, 第78-81页.

4. 刘镰力主编 (1999), 《HSK中国汉语水平考试词汇大纲·汉语8000词词典》, 北京语言大学出版社

5. 苏培成 (1994), 《现代汉语学纲要》, 北京大学出版社, 第113页.

6. 王俊霞, 刘云汉 (2004), 关于多音字的思考, 唐山师范学院学报, 第6卷, 第3期, 第30-32页.

7. 王顺洪 (2004), 《中国概况》, 北京大学出版社.

8. 徐世荣 (1988), 一字多音的产生, 发展及其原因, 《多音字汇览》序, 语言教学与研究, 第3期, 第14-18页.

9. 杨薇 (2005), 成语词典中多音字的注音略说, 辞书研究, 第1期, 第28-32页.

10. 张景 (2011), 谈谈现代汉字的的多音字, 百度上传 (接入 2017/01/09) <<http://wenku.baidu.com/view/be442c6c7e21af45b307a802.html>>.

## A RESEARCH OF COMMON MODERN CHINESE POLYPHONY AND IMPLICATIONS FOR TEACHING AND LEARNING CHINESE IN VIETNAM

NGUYEN NGOC THUY ANH

**Abstract:** Modern Chinese polyphony is one of the difficulties for Vietnamese students when studying Chinese. To help learners have a thorough grasp of different pronunciations of modern Chinese polyphonic characters, we researched and concluded that there are a few reasons for the formation of modern Chinese polyphonic characters. According to our study, there are 118 common modern Chinese polyphonic characters. Which are classified into 7 categories. The survey of common modern Chinese polyphonic characters was conducted with 87 third-year Chinese - major. Based on the survey results, we pointed out the reasons of common mispronunciation, 5 ways to distinguish different pronunciations and gave teachers and students some recommendations to improve teaching and learning modern Chinese polyphonic characters in Vietnam.

**Keywords:** *Chinese polyphonic characters, pronunciation, initial consonant, tone*

*Received: 11/01/2018; Revised: 04/02/2018; Accepted for publication: 28/02/2018*